

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *M21* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày *19* tháng *11* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án: Tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng Dolce Penisola Quảng Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng Dolce Penisola Quảng Bình của Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch ONSEN FUJI, họp ngày 11 tháng 3 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng Dolce Penisola Quảng Bình đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 426A/CV-OFT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch ONSEN FUJI;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng Dolce Penisola Quảng Bình (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch ONSEN FUJI (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Đồng Hới và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới, Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh, Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch ONSEN FUJI và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

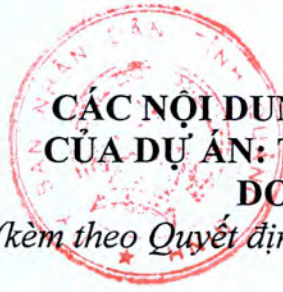
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN: TỔ HỢP CĂN HỘ DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG
DOLCE PENISOLA QUẢNG BÌNH

(kèm theo Quyết định số *121* /QĐ-UBND ngày *19* tháng *11* năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng Dolce Penisola Quảng Bình
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch ONSEN FUJI
- Người đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Linh Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà TTTM và dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 0242.262 1133
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Xây dựng tổ hợp căn hộ du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ, nhà hàng, trung tâm vui chơi, giải trí tổng hợp, cung cấp các căn hộ du lịch, dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng, dịch vụ nhà hàng, hội nghị, hội thảo, các dịch vụ vui chơi, giải trí và chăm sóc sức khỏe tiêu chuẩn quốc tế với các hạng mục chính: 02 tháp Ruby và Diamond, mỗi tháp cao 29 tầng, trong đó có 25 tầng phòng ở tương đương 1.464 phòng ở (từ tầng 5 - 29); 04 tầng Dịch vụ, thương mại (từ tầng 1 - 4), 01 tầng hầm và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Phạm vi sử dụng đất: 8.237,1 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Các tác động chính trong giai đoạn thi công: hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại...; tác động đến hoạt động giao thông, cảnh quan, môi trường khu vực dự án và nguy cơ xảy ra sự cố xói mòn, trượt lở, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ...

- Các tác động chính trong giai đoạn vận hành: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại..., sự cố môi trường trong quá trình hoạt động gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng khối lượng khoảng 6,5 m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms...

+ Nước thải xây dựng: phát sinh chủ yếu từ các hoạt động trộn bê tông, rửa nguyên vật liệu, rửa thiết bị, tưới bảo dưỡng công trình,... Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng chủ yếu là chất rắn lơ lửng, xi măng, đất, cát...

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 658,2 m³/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms.

+ Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp đất, tập kết nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, bụi do đất cát bám vào bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường; từ hoạt động của các động cơ sử dụng nhiên liệu hoá thạch... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- Trong giai đoạn vận hành: khí thải phát sinh từ các hoạt động giao thông, đun nấu, khu lưu giữ rác, cống thoát nước, thùng rác, khu nhà vệ sinh...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Trong giai đoạn xây dựng ước tính 15 kg/ngày đêm.

- Trong giai đoạn vận hành: ước tính khoảng 2.772 kg/ngày đêm.

- Thành phần chủ yếu: giấy loại, các loại lon nước, túi nilon, bao bì, hộp đựng thức ăn...

2.4.2. Chất thải rắn thông thường khác

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng gồm gạch, đá, xi măng, sắt thép và gỗ, giấy... từ công việc thi công và hoàn thiện công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị.

+ Khối lượng Bentonite thải loại: Phát sinh từ thi công móng các tòa nhà cao tầng bằng phương pháp khoan cọc nhồi ước tính khoảng 200kg.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn xây dựng: Phát sinh chủ yếu dầu mỡ thải, loại dẻ lau có dính dầu mỡ, các dụng cụ chứa dầu mỡ như túi nilon, can đựng dầu thải, các loại dầu mỡ thải của máy móc nhỏ, thùng sơn.... trong quá trình thi công ước tính khoảng 90 lít dầu mỡ/1 lần thay dầu máy, 6 tháng thay 1 lần; 0,5 kg dẻ lau dính dầu mỡ/1 tháng và 500 kg thùng sơn, bột tít, bụi sơn.../tổng thời gian thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh các loại chất thải nguy hại như: các bao bì, chai lọ đựng hóa chất, đồ dùng điện tử hư hỏng, đèn neon hỏng, pin, acquy hết hạn sử dụng,...; phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc kỹ thuật: giẻ lau dính dầu mỡ, can, thùng đựng dầu nhớt,..., tải lượng phát sinh trung bình dự báo khoảng 10 - 20kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

- Sử dụng nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại và trên công trường để thu gom nước thải sinh hoạt. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng hầm lắng 2 ngăn để thu gom, xử lý nước thải xám tại khu vực lán trại của công nhân. Khi kết thúc xây dựng, hầm lắng phải được phá bỏ trả lại mặt bằng cho Dự án.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên, yêu cầu cán bộ, công nhân thường xuyên giữ vệ sinh chung, đặc biệt là khu nhà vệ sinh để hạn chế sự lan truyền các chất ô nhiễm và vi sinh vật gây bệnh ra môi trường xung quanh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Nước thải xây dựng:

- Lót đáy các vị trí trộn vữa, bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ô nhiễm môi trường.

- Thu gom nước rửa dụng cụ xây dựng vào thùng lắng tạm để tái sử dụng hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng vòi tia để phun nước bảo dưỡng các hạng mục công trình, lượng nước tưới vừa đủ không để chảy tràn làm cuốn trôi các chất gây đục, tắc nghẽn, bồi lấp hệ thống thoát nước của Dự án.

- Các phương tiện, máy móc thi công phải được che đậy hoặc chứa trong nhà có mái che.

- Đào hố lắng với thể tích 6 m^3 ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát từ nước xịt rửa bánh xe, rửa vật liệu (đá dăm, sỏi...), rửa thiết bị thi công trước khi thoát vào mương thoát dọc đường Võ Nguyên Giáp.

c) Nước mưa chảy tràn

- Che chắn các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công, thùng đựng dầu mỡ thải.

- Thu gom dầu mỡ bôi trơn tại các bãi đỗ xe, các địa điểm đặt thiết bị thi công, tránh không để chảy tràn hoặc thải tự do ra công trường.

- Thi công hệ thống rãnh thoát nước mưa, hố ga, hố lắng để lắng cặn trong nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường.

- Tránh thi công vào những ngày có mưa lớn; thu dọn, nạo vét các mương thoát nước tạm trong quá trình thi công.

- Không để đất, cát gần các mương thoát nước và ở ranh giới khu đất Dự án để tránh nước mưa chảy tràn cuốn trôi làm bồi lấp mương thoát, chảy tràn ra tuyến đường Võ Nguyên Giáp.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

a) Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ các khu vực vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Nước thải từ nhà bếp được xử lý qua bể tách dầu trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động dự án được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải chung của dự án, công nghệ MBBR với công suất $820 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Công nghệ xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được dẫn ra hố ga rồi theo hệ thống ống dẫn thải đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

b) Nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa trên mái của các công trình được thu bằng cầu chắn rác và dẫn xuống bằng ống đứng thoát nước mưa thoát vào hệ thống thoát nước và các hố ga thoát nước được bố trí xung quanh khu vực các công trình.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ được thu gom bằng các tuyến mương thu nước mưa, dẫn về các hố ga có song chắn rác sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống thu gom, lắng lọc, thoát nước mưa chảy tràn đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Che chắn toàn bộ khu vực Dự án bằng tôn xóp 3m nhằm hạn chế bụi phát tán gây ảnh hưởng đến người dân khu vực và người tham gia giao thông trên tuyến đường Võ Nguyên Giáp, đường 36m đoạn qua Dự án.

- Dọn vệ sinh trên đường vận chuyển trong khu dân cư nếu để làm rơi vãi nguyên vật liệu xây dựng.

- Sử dụng lưới chuyên dụng che chắn khi thi công tầng cao các công trình trong những ngày thời tiết khô, có gió để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Che đậy các bãi chứa nguyên vật liệu bằng bạt/tôn để tránh gió cuốn gây bụi và thu dọn sạch sẽ khu vực chứa ngay khi xây dựng xong.

- Sử dụng xe phun ẩm các tuyến đường vận chuyển vật liệu trong quá trình thi công.

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ kín đối với tất cả các phương tiện vận chuyển; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho lực lượng thi công.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực Dự án, nhất là ở các khu vực như nhà bếp, nhà vệ sinh, các thùng rác đựng rác có nắp đậy kín để tránh phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh trong quá trình lưu chứa.

- Rác thải phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển trong ngày, tránh để tồn lâu khiến chất thải hữu cơ trong rác phân hủy gây mùi.

- Đối với khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu vực nhà bếp: Tại các khu vực bếp chế biến thức ăn của Dự án phải bố trí hệ thống chụp hút mùi, quạt thông gió gắn ở trần nhà để khuếch tán mùi hôi tại khu vực bếp, chế biến thức ăn nhằm đảm bảo môi trường không khí khu vực thông thoáng.

- Đảm bảo hệ thống cây xanh theo đúng thiết kế để đảm bảo vi khí hậu khu vực.

3.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

* Đối với rác thải sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng đựng rác loại 100 lít trên công trường để thu gom rác thải. Rác thải phải được thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

- Đối với nguồn rác thải hữu cơ, là thức ăn thừa, phải được thu gom và hợp đồng với các trang trại/hộ chăn nuôi trong khu vực.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng.

* Đối với chất thải xây dựng:

- Tái sử dụng các loại chất thải vào các mục đích khác nhau như: đất, đá, gạch, vữa thải loại... sử dụng cho việc đắp nền; sắt, thép, bao bì,... thu gom và bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công mỗi hạng mục của dự án để hoàn trả mặt bằng khu vực, tránh đổ thải bừa bãi, gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực và các đối tượng xung quanh.

- Chất thải từ quá trình xây dựng hợp đồng với đơn vị đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành

* Đối với rác thải sinh hoạt:

- Tại mỗi căn hộ du lịch bố trí 2 thùng chứa rác nhỏ loại 5 - 10 lít có nắp đậy kín, 1 loại đựng thức ăn dư thừa, 1 loại đựng các loại chất thải rắn khác; tại các khu vực chức năng (tại các góc sân, khu vực nhà bếp, khu vực nhà hàng, khu vực cà phê, khu vực tập gym,...) bố trí các thùng thu gom rác có thể tích 20 lít, hàng ngày được nhân viên vận chuyển về đặt tại khu vực tập kết rác thải.

- Đối với thức ăn dư thừa từ nhà bếp: Công ty phải hợp đồng với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn và vùng lân cận để thu mua hàng ngày.

- Đối với rác thải tái chế như vỏ lon bia, nước ngọt, chai lọ và các vật dụng sinh hoạt khác loại thải: thu gom và bán cho các đơn vị thu mua đồ tái chế.

- Đối với các khu nhà ở Shophouse: Mỗi hộ tự trang bị tại nhà các thùng rác tùy theo loại hình kinh doanh và trang bị thùng rác màu xanh chứa chất thải rắn thực phẩm và thùng màu xám chứa chất thải rắn còn lại. Hằng ngày, người dân tự mang rác bỏ vào các thùng chứa 240l có dán nhãn phân biệt rác thải thực phẩm và rác thải thông thường khác được đặt cuối hành lang tại mỗi tầng của các tòa nhà nơi gần thang máy vận chuyển hàng, rác được nhân viên phụ trách môi trường hàng ngày vận chuyển theo thang máy vận chuyển hàng hóa về lưu chứa tại nhà chứa rác đặt tại khu vực tầng hầm.

- Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt định kỳ đi xử lý theo đúng quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải rắn thông thường theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình xây dựng công trình và hoạt động nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn xây dựng: Bố trí tại khu vực thi công 01 thùng phi loại 200 lít có nắp đậy kín để thu gom chất thải nguy hại và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại theo quy định.

- Trong giai đoạn hoạt động: Bố trí thùng chứa có nắp đậy kín dung tích 100 lít đặt trong kho chứa tại tầng hầm của Dự án; Kho chứa có cửa khóa kín và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên giao, xử lý chất thải nguy hại để đưa đi xử lý theo đúng quy định

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.
- Vị trí giám sát:
 - + Tại trung tâm khu vực Dự án.
 - + Phía Đông Bắc giáp đường Võ Nguyên Giáp;
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong thời gian thi công, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước sinh hoạt

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Nitrat, Phosphat; Dầu mỡ; Tổng Coliforms.
- Vị trí giám sát: Tại ngăn cuối của bể thu gom nước thải xám tại khu lán trại.


- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục. 

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

5.1.4. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong thời gian thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động của dự án

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu vực nhà hàng của Dự án;

+ Tại khu nhà shophouse.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Nitrat, Phosphat; Dầu mỡ; Tổng Coliforms.

- Vị trí giám sát: Tại vị trí các hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải của Dự án Phát triển Môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

5.2.4. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định chính xác ranh giới diện tích thực hiện Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

6.3. Lập, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố trong quá trình thực hiện dự án và bảo đảm ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra; tuân thủ các quy định về an toàn trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng, vận hành của các dự án thứ cấp đầu tư trong Dự án đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án.

6.6. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, bồi lắng, xói lở, sạt trượt tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động của dự án, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đồng Hới và các cơ quan, đơn vị liên quan để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.7. Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

6.8. Hoàn thành xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển phục vụ Dự án; xây dựng, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của Dự án.

6.9. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường./.

